

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022



## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 40

03C

KI  
AFC

17.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 1. Thông tin chung

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Đồng Nai theo Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Du lịch Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000307 ngày 17 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 7 năm 2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20 tháng 12 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp thành số 3600276414, thay đổi tỷ lệ vốn góp của các cổ đông và bổ sung ngành kinh doanh và bổ sung thêm các chi nhánh hạch toán phụ thuộc;
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 26 tháng 5 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 64.300.000.000 VND lên thành 74.596.750.000 VND và bổ sung thêm chi nhánh hạch toán phụ thuộc;
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 15 tháng 4 năm 2016 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02 tháng 12 năm 2016 về thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty;
- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 20 tháng 06 năm 2022 về thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty;
- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 15 tháng 11 năm 2022 về thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo Quyết định 63/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán : DNT
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký : 7.459.675 Cổ phiếu
- Tổng giá trị : 74.596.750.000 đồng

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (0251) 3 822 368
- Fax : (0251) 3 822 368

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Điều hành tua du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức sự kiện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở chính);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh khu du lịch sinh thái;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải hành khách du lịch;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát.

Trong năm 2022, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán buôn đồ uống, du lịch, nhà hàng, khách sạn.

**2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Hồ Lê Hồng Châu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/03/2022
Ông Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Nguyễn Minh Thức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/05/2022
Ông Ôn Văn Phước	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/03/2022
Ông Huỳnh Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/03/2022
Ông Phạm Đức Bình	Thành viên	
Ông Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên	

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban	
Ông Tống Duy Khương	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tâm	Thành viên	

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Huỳnh Quốc Bảo	Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2022

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Minh Thức	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/06/2022
Ông Huỳnh Quốc Bảo	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/06/2022

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**  
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**7. Công bố các báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**HUYNH QUỐC BẢO**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2023



Số: 278/2023/BCKT-HCM.00844

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2023, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẶC NHA  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

LÊ NGỌC HẢI  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>67.147.117.332</b>	<b>37.623.730.954</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>11.322.187.528</b>	<b>5.655.774.032</b>
Tiền	111		9.275.193.694	4.647.857.349
Các khoản tương đương tiền	112		2.046.993.834	1.007.916.683
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>43.955.602.030</b>	<b>24.380.382.352</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	43.955.602.030	24.380.382.352
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.248.468.761</b>	<b>3.860.048.746</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.444.695.230	1.748.260.257
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	399.719.107	815.816.753
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	1.404.054.424	1.295.971.736
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.321.191.713</b>	<b>3.535.717.329</b>
Hàng tồn kho	141	5.6	5.321.191.713	3.535.717.329
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.299.667.300</b>	<b>191.808.495</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	310.927.063	168.136.395
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	23.672.100
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	988.740.237	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>40.249.084.850</b>	<b>50.045.674.745</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.978.130.000</b>	<b>3.856.274.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	3.978.130.000	3.856.274.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.165.561.301</b>	<b>27.055.138.021</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	25.740.943.301	23.627.520.021
Nguyên giá	222		105.892.958.387	100.259.690.700
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.152.015.086)	(76.632.170.679)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.424.618.000	3.427.618.000
Nguyên giá	228		3.742.097.750	3.742.097.750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(317.479.750)	(314.479.750)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>143.463.011</b>	<b>2.967.260.374</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	143.463.011	2.967.260.374
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.174.035.903</b>	<b>11.240.321.434</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2.2	1.695.200.000	1.695.200.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2.2	1.901.250.000	1.901.250.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2.2	(422.414.097)	(356.128.566)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2.1	-	8.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.787.894.635</b>	<b>4.926.680.916</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	3.787.894.635	4.926.680.916
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>107.396.202.182</b>	<b>87.669.405.699</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29.113.677.550</b>	<b>13.538.086.236</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.441.077.550</b>	<b>11.207.291.898</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	6.587.808.329	1.506.242.940
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	3.305.383.307	2.622.101.813
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.372.535.556	3.300.000
Phải trả người lao động	314	5.14	6.775.829.863	1.507.336.024
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	403.511.807	148.672.712
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	150.000.000	169.373.833
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	4.029.648.088	920.356.790
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	-	3.493.424.800
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.19	5.816.360.600	836.482.986
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>672.600.000</b>	<b>2.330.794.338</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	672.600.000	591.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.20	-	1.739.194.338
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-


CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI


105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>78.282.524.632</b>	<b>74.131.319.463</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.21	<b>78.282.524.632</b>	<b>74.131.319.463</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		74.596.750.000	74.596.750.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.596.750.000	74.596.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.902.986.715	5.902.986.715
Cổ phiếu quỹ	415		(2.506.253.750)	(2.506.253.750)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		289.041.667	(3.862.163.502)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.862.163.502)	672.006.591
LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.151.205.169	(4.534.170.093)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>107.396.202.182</b>	<b>87.669.405.699</b>

  
ĐẶNG THỊ TỐ NGÂN  
Người lập biểu

  
ÔN VĂN PHƯỚC  
Kế toán trưởng



HUYNH QUỐC BẢO  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023


CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI


105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		270.110.621.385	118.778.362.919
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>270.110.621.385</b>	<b>118.778.362.919</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	202.362.606.201	94.619.428.457
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>67.748.015.184</b>	<b>24.158.934.462</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.705.424.243	2.944.452.888
Chi phí tài chính	22	6.4	123.381.567	100.106.411
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		57.096.036	11.342.180
Chi phí bán hàng	25	6.5	48.734.352.578	28.041.057.787
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.321.308.592	3.979.649.569
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>12.274.396.690</b>	<b>(5.017.426.417)</b>
Thu nhập khác	31	6.7	2.663.487.065	701.311.456
Chi phí khác	32	6.8	451.620.517	218.055.132
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.211.866.548</b>	<b>483.256.324</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>14.486.263.238</b>	<b>(4.534.170.093)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	1.650.873.101	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>12.835.390.137</b>	<b>(4.534.170.093)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.070	(623)

  
**ĐẶNG THỊ TÔ NGÂN**  
 Người lập biểu

  
**ÔN VĂN PHƯỚC**  
 ✓ Kế toán trưởng

  
**HUYỄN QUỐC BẢO**  
 Giám đốc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	14.486.263.238	(4.534.170.093)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.612.333.072	3.838.574.212
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập) (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	03	(1.672.908.807)	(184.252.584)
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(666.151)	339.315
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.467.137.575)	(2.944.452.888)
Chi phí lãi vay	06	57.096.036	11.342.180
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>14.014.979.813</b>	<b>(3.812.619.858)</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.492.740.152)	718.301.610
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.785.474.384)	201.386.211
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	12.672.022.253	(5.000.414.904)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	995.995.613	1.851.680.183
Tiền lãi vay đã trả	14	(57.096.036)	(11.342.180)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.200.000.000)	(880.082.767)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	18.806.617
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(971.096.620)	(6.440.204.361)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.176.590.487</b>	<b>(13.354.489.449)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.136.579.506)	(3.105.946.817)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	2.912.559.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.608.197.992)	(24.231.444.001)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	16.032.978.314	33.141.259.441
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.722.154.092	3.260.888.895
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(11.989.645.092)</b>	<b>11.977.316.518</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	-	7.297.223.400
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.493.424.800)	(3.803.798.600)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.773.250)	(5.765.008.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.521.198.050)</b>	<b>(2.271.583.950)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ</b>	<b>50</b>	<b>5.665.747.345</b>	<b>(3.648.756.881)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ</b>	<b>60</b>	<b>5.655.774.032</b>	<b>9.304.870.228</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	666.151	(339.315)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ</b>	<b>70</b>	<b>11.322.187.528</b>	<b>5.655.774.032</b>

ĐẶNG THỊ TỐ NGÂN  
Người lập biểu

ÔN VĂN PHƯỚC  
Kế toán trưởng



HUYNH QUỐC BẢO  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 5 năm 2023

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Du lịch Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000307 ngày 17 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, và lần gần nhất là lần thay đổi thứ bảy ngày 15 tháng 11 năm 2022 về thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo Quyết định 63/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán : DNT
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký : 7.459.675 Cổ phiếu
- Tổng giá trị : 74.596.750.000 đồng

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Điều hành tua du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức sự kiện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở chính);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh khu du lịch sinh thái;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải hành khách du lịch;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát.

Trong năm 2022, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán buôn đồ uống, du lịch, nhà hàng, khách sạn.

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**1.5 Cấu trúc của Công ty****Các công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1)	Khách sạn Hòa Bình – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	06, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
2)	Trung tâm dịch vụ lữ hành – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ lữ hành.
3)	Khách sạn Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	57, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
4)	Trung tâm thương mại tổng hợp – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh công nghệ phẩm.
5)	Nhà hàng Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	33, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.
6)	Nhà hàng Sen Vàng – CN Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105B, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 188 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 169 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

444

ÔNG  
TINH  
A T  
VIỆT

10

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### **Các khoản đầu tư vào liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-33 năm
Máy móc và thiết bị	05-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm

#### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 288, tờ bản đồ số 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với diện tích là 278,1 m<sup>2</sup>, nguyên giá là 3.353.886.000 VND, thời gian sử dụng lâu dài không trích khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại thửa số 158, tờ bản đồ địa chính số 27 với diện tích 25 m<sup>2</sup>, nguyên giá là 150.000.000 VND (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) Công ty tạm trích khấu hao là 50 năm.

##### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào Quỹ tiền lương kế hoạch của năm 2022 được xác định theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ.

### 4.13 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả đã ghi các năm trước là dự phòng trợ cấp thôi việc. Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng phải trả này theo quy định hiện hành.

### 4.14 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### 4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/ đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khách sạn Vĩnh An	Công ty liên kết
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Bên có liên quan của Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt		
+ VND	2.210.176.049	658.521.219
+ USD	6.708.891	6.487.940
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ VND	7.045.537.280	3.969.899.468
+ USD	12.771.474	12.948.722
Các khoản tương đương tiền - VND (*)	2.046.993.834	1.007.916.683
	<b>11.322.187.528</b>	<b>5.655.774.032</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi dưới 3 tháng, lãi suất tiền gửi 6%/năm.

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ – USD	286,95	6.708.891
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	545,54	12.771.474

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	43.955.602.030	43.955.602.030	24.380.382.352	24.380.382.352
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
	<b>43.955.602.030</b>	<b>43.955.602.030</b>	<b>32.380.382.352</b>	<b>32.380.382.352</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng, kỳ hạn gửi từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 5,7%/năm đến 9,2%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**  
 105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (* VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (* VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.695.200.000</b>	-	<b>1.695.200.000</b>	-	-	-
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	1.695.200.000	422.414.097	(*)	1.695.200.000	356.128.566	(*)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>1.901.250.000</b>	-	<b>1.901.250.000</b>	-	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	126.250.000	-	(*)	126.250.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	1.575.000.000	-	(*)	1.575.000.000	-	(*)
	<b>3.596.450.000</b>	<b>422.414.097</b>		<b>3.596.450.000</b>	<b>356.128.566</b>	

Thông tin chi tiết của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	01A Xa Lộ Hà Nội, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh thực phẩm tươi sống, cung cấp suất ăn công nghiệp	8,00%	8,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	9/23 Đại lộ Bình Đông, P.Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Mua bán rượu bia, nước giải khát, ăn uống	0,15%	0,15%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Đường 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	3,94%	3,94%

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tại ngày đầu năm	356.128.566	267.703.650
Trích lập dự phòng trong năm	66.285.531	88.424.916
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>422.414.097</b>	<b>356.128.566</b>

*Giao dịch với công ty liên kết*

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết.

**5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>1.482.051.999</b>	<b>468.686.999</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	1.482.051.999	468.686.999
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>1.962.643.231</b>	<b>1.279.573.258</b>
Công ty cổ phần Dịch vụ cà phê Cao Nguyên	-	210.247.784
Các khách hàng khác	1.962.643.231	1.069.325.474
	<b>3.444.695.230</b>	<b>1.748.260.257</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>		
Công ty TNHH Hàng không Tre Việt	163.457.322	41.313.322
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	120.002.444	75.448.644
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Kiến Trúc Mới	92.592.593	-
Công ty TNHH MTV Quảng cáo Ngọc Tùng	-	636.363.636
Các nhà cung cấp khác	23.666.748	62.691.151
	<b>399.719.107</b>	<b>815.816.753</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

#### 5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	948.386.802	-	965.782.802	-
Phải thu tiền vé máy bay	347.588.259	-	201.627.179	-
Tạm ứng	105.000.000	-	123.500.000	-
Bảo hiểm y tế	-	-	2.356.575	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	422.480	-
Kinh phí công đoàn	-	-	229.700	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.079.363	-	2.053.000	-
	<b>1.404.054.424</b>	<b>-</b>	<b>1.295.971.736</b>	<b>-</b>

#### 5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	3.978.130.000	-	3.856.274.000	-
	<b>3.978.130.000</b>	<b>-</b>	<b>3.856.274.000</b>	<b>-</b>

### 5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	462.974.348	-	239.379.727	-
Công cụ, dụng cụ	441.663.685	-	888.763.087	-
Hàng hóa	4.416.553.680	-	2.407.574.515	-
	<b>5.321.191.713</b>	<b>-</b>	<b>3.535.717.329</b>	<b>-</b>

### 5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

#### 5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	283.096.116	55.631.952
Chi phí bảo hiểm	2.450.500	41.797.408
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	17.936.603	17.014.725
Phần mềm quản lý	750.000	8.083.336
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.693.844	45.608.974
	<b>310.927.063</b>	<b>168.136.395</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**  
 105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	880.156.925	2.537.138.212
Chi phí sửa chữa lớn nhà hàng, khách sạn chờ phân bổ	2.536.667.439	1.830.396.330
Các chi phí trả trước dài hạn khác	371.070.271	559.146.374
	<b>3.787.894.635</b>	<b>4.926.680.916</b>

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2022	76.150.047.203	17.526.011.996	6.345.739.025	237.892.476	100.259.690.700
Mua sắm trong năm	-	324.318.182	-	-	324.318.182
Tặng từ XDCB	3.288.019.288	2.174.339.308	-	-	5.462.358.596
Giảm khác (*)	(153.409.091)	-	-	-	(153.409.091)
Tại ngày 31/12/2022	<b>79.284.657.400</b>	<b>20.024.669.486</b>	<b>6.345.739.025</b>	<b>237.892.476</b>	<b>105.892.958.387</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2022	54.350.096.129	16.138.828.638	5.920.520.101	222.725.811	76.632.170.679
Khấu hao trong năm	2.317.491.832	1.097.885.728	182.580.508	11.375.004	3.609.333.072
Giảm khác (*)	(89.488.665)	-	-	-	(89.488.665)
Tại ngày 31/12/2022	<b>56.578.099.296</b>	<b>17.236.714.366</b>	<b>6.103.100.609</b>	<b>234.100.815</b>	<b>80.152.015.086</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2022	21.799.951.074	1.387.183.358	425.218.924	15.166.665	23.627.520.021
Tại ngày 31/12/2022	<b>22.706.558.104</b>	<b>2.787.955.120</b>	<b>242.638.416</b>	<b>3.791.661</b>	<b>25.740.943.301</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2022	20.081.092.406	11.938.061.420	4.197.486.299	181.017.482	36.397.657.607
Tại ngày 31/12/2022	<b>20.687.746.224</b>	<b>14.805.268.140</b>	<b>5.368.568.117</b>	<b>181.017.482</b>	<b>41.042.599.963</b>

(\*) Giảm khác do tài sản nằm trên phần đất bị thu hồi theo Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 18/07/2019 và chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai số 1740/UBND-KTN ngày 21/02/2022 về việc bàn giao khu đất tại xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2022	3.503.886.000	238.211.750	3.742.097.750
Tại ngày 31/12/2022	<b>3.503.886.000</b>	<b>238.211.750</b>	<b>3.742.097.750</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2022	76.268.000	238.211.750	314.479.750
Khấu hao trong năm	3.000.000	-	3.000.000
Tại ngày 31/12/2022	<b>79.268.000</b>	<b>238.211.750</b>	<b>317.479.750</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2022	3.427.618.000	-	3.427.618.000
Tại ngày 31/12/2022	<b>3.424.618.000</b>	-	<b>3.424.618.000</b>
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>			
Tại ngày 01/01/2022	-	238.211.750	238.211.750
Tại ngày 31/12/2022	-	<b>238.211.750</b>	<b>238.211.750</b>

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2022 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển TSCĐ VND	Kết chuyển vào chi phí VND	31/12/2022 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>					
Công trình mở rộng khách sạn Hòa Bình	206.145.011	-	-	(62.682.000)	143.463.011
Công trình xây dựng Khách sạn Nhơn Trạch	111.018.091	-	-	(111.018.091)	-
Sửa chữa Khách sạn Đồng Nai	2.650.097.272	2.812.261.324	(5.462.358.596)	-	-
	<b>2.967.260.374</b>	<b>2.812.261.324</b>	<b>(5.462.358.596)</b>	<b>(173.700.091)</b>	<b>143.463.011</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>				
Công ty TNHH Bia và nước giải khát Việt Nam (VBB)	2.340.323.374	2.340.323.374	590.862.738	590.862.738
Cơ sở hải sản Trần Thị Chi	594.995.624	594.995.624	66.721.693	66.721.693
Cơ sở Hải sản Hưng Huy Phát	380.272.930	380.272.930	5.003.000	5.003.000
Ông Lê Thanh Chiến	233.110.844	233.110.844	32.314.800	32.314.800
Bà Nguyễn Thị Dung	409.634.586	409.634.586	66.824.500	66.824.500
Các nhà cung cấp khác	2.629.470.971	2.629.470.971	744.516.209	744.516.209
	<b>6.587.808.329</b>	<b>6.587.808.329</b>	<b>1.506.242.940</b>	<b>1.506.242.940</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Khách hàng đặt cọc tiệc	2.619.227.300	2.088.854.800
Các khách hàng khác	686.156.007	533.247.013
	<b>3.305.383.307</b>	<b>2.622.101.813</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Số phát sinh trong năm			31/12/2022	
	01/01/2022	Phải nộp VND	Số phát sinh trong năm VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	6.969.607.225	(6.055.967.998)	913.639.227	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.650.873.101	(1.200.000.000)	450.873.101	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.300.000	51.923.078	(47.199.850)	8.023.228	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.307.060.552	(3.295.800.789)	-	988.740.237
Lệ phí môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
	<b>3.300.000</b>	<b>10.988.463.956</b>	<b>(10.607.968.637)</b>	<b>1.372.535.556</b>	<b>988.740.237</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**  
 105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>14.486.263.238</b>	<b>(4.534.170.093)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	742.300.091	543.985.131
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.739.860.489)	(272.677.500)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>13.488.702.840</b>	<b>(4.262.862.462)</b>
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(441.343.625)	(530.131.250)
Lỗ các năm trước được chuyển	(4.792.993.712)	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>8.254.365.503</b>	<b>(4.792.993.712)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.650.873.101</b>	<b>-</b>

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định pháp luật.

**5.14 Phải trả người lao động**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ lương còn phải trả	6.775.829.863	1.507.336.024
	<b>6.775.829.863</b>	<b>1.507.336.024</b>

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Phải trả tiền điện, nước, điện thoại	371.761.807	106.490.894
Chi phí phải trả dịch vụ mua ngoài	31.750.000	42.181.818
	<b>403.511.807</b>	<b>148.672.712</b>

**5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	150.000.000	169.373.833
	<b>150.000.000</b>	<b>169.373.833</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**  
 105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long – cổ tức	2.460.000.000	-
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Cổ tức phải trả	1.226.588.750	73.899.500
Tiền vé máy bay phải trả cho Vietnam Airlines	343.059.338	90.632.515
Bảo hiểm xã hội	-	751.080.275
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	4.744.500
	<b>4.029.648.088</b>	<b>920.356.790</b>

**5.17.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	672.600.000	591.600.000
	<b>672.600.000</b>	<b>591.600.000</b>

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt nam – Chi nhánh Đồng Nai	-	-	3.493.424.800	3.493.424.800
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.493.424.800</b>	<b>3.493.424.800</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2022 VND	Vay trong năm VND	Trả trong năm VND	31/12/2022 VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt nam – Chi nhánh Đồng Nai	3.493.424.800	-	3.493.424.800	-
	<b>3.493.424.800</b>	<b>-</b>	<b>3.493.424.800</b>	<b>-</b>

**5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2022 VND	Trích quỹ trong năm VND	Tăng (giảm) khác VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2022 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	457.210.552	5.043.722.468	1.286.524.200	971.096.620	5.816.360.600
Quỹ thưởng Ban điều hành	379.272.434	-	(379.272.434)	-	-
	<b>836.482.986</b>	<b>5.043.722.468</b>	<b>907.251.766</b>	<b>971.096.620</b>	<b>5.816.360.600</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.20 Dự phòng phải trả dài hạn**

	01/01/2022 VND	Chi trả trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND	31/12/2022 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.739.194.338	(180.599.349)	(1.558.594.989)	-
	<u>1.739.194.338</u>	<u>(180.599.349)</u>	<u>(1.558.594.989)</u>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**  
 105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.21 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**

**5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm 2021</b>					
Tại ngày 01/01/2021	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	2.880.994.093	80.874.477.058
Lỗ trong năm	-	-	-	(4.534.170.093)	(4.534.170.093)
Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020	-	-	-	(2.184.277.500)	(2.184.277.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020	-	-	-	(24.710.002)	(24.710.002)
Tại ngày 31/12/2021	<b>74.596.750.000</b>	<b>5.902.986.715</b>	<b>(2.506.253.750)</b>	<b>(3.862.163.502)</b>	<b>74.131.319.463</b>
<b>Năm 2022</b>					
Tại ngày 01/01/2022	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	(3.862.163.502)	74.131.319.463
Lãi trong năm	-	-	-	12.835.390.137	12.835.390.137
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022	-	-	-	(3.640.462.500)	(3.640.462.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022	-	-	-	(5.043.722.468)	(5.043.722.468)
Tại ngày 31/12/2022	<b>74.596.750.000</b>	<b>5.902.986.715</b>	<b>(2.506.253.750)</b>	<b>289.041.667</b>	<b>78.282.524.632</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	49.200.000.000	65,95	49.200.000.000	65,95
Công ty TNHH Thanh Bình	12.195.000.000	16,35	12.195.000.000	16,35
Bà Huỳnh Thị Bích Phương	7.942.500.000	10,65	7.942.500.000	10,65
Các cổ đông khác	3.471.750.000	4,65	3.471.750.000	4,65
Cổ phiếu quỹ được mua lại	1.787.500.000	2,40	1.787.500.000	2,40
	<b>74.596.750.000</b>	<b>100,00</b>	<b>74.596.750.000</b>	<b>100,00</b>

**5.21.3 Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.459.675	7.459.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu phổ thông	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	178.750	178.750
- Cổ phiếu phổ thông	178.750	178.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu phổ thông	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.

**5.21.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm 2022, Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 107/DLĐN/HĐQT-NQ ngày 23 tháng 12 năm 2022 như sau:

	VND
• Tạm ứng cổ tức 5%/ mệnh giá	3.640.462.500
• Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ LN CPP năm 2022	5.043.722.468

**5.22 Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
Dollar Mỹ (USD)	832,49	858,89



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	270.110.621.385	118.778.362.919
	<u>270.110.621.385</u>	<u>118.778.362.919</u>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Bửu Long		
- Bán hàng	1.261.944.608	464.101.820
- Cung cấp dịch vụ	695.246.295	-
	<u>1.957.190.903</u>	<u>464.101.820</u>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	202.362.606.201	94.619.428.457
	<u>202.362.606.201</u>	<u>94.619.428.457</u>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.263.414.467	2.414.321.638
Cổ tức, lợi nhuận được chia	441.343.625	530.131.250
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục có gốc tiền tệ	666.151	-
	<u>2.705.424.243</u>	<u>2.944.452.888</u>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	57.096.036	11.342.180
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	66.285.531	88.424.916
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục có gốc tiền tệ	-	339.315
	<u>123.381.567</u>	<u>100.106.411</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	29.457.376.002	14.782.596.391
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	603.093.601	1.812.636.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.516.463.844	3.422.525.387
Thuế, phí và lệ phí	2.192.690.277	1.746.051.871
Chi phí điện nước, điện thoại, vật tư, công cụ dụng cụ, sửa chữa bảo trì	7.360.749.201	4.865.406.152
Chi phí bán hàng khác	5.603.979.653	1.411.841.243
	<b>48.734.352.578</b>	<b>28.041.057.787</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	7.730.535.435	2.759.654.429
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.573.212	49.334.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.869.228	146.516.969
Thuế, phí và lệ phí	149.140.331	165.910.546
Chi phí điện thoại, vận chuyển, bảo dưỡng, sửa chữa	86.816.529	269.607.882
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.181.373.857	588.625.250
	<b>9.321.308.592</b>	<b>3.979.649.569</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hoàn nhập dự phòng quỹ trợ cấp thôi việc	1.558.594.989	-
Thu nhập từ các khoản chiết khấu, hỗ trợ	624.066.885	310.950.294
Thu nhập từ tiền cọc hợp đồng	326.000.000	32.000.000
Lãi từ khoản thế chấp, ký cược	113.163.581	-
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	-	349.606.178
Thu nhập khác	41.661.610	8.754.984
	<b>2.663.487.065</b>	<b>701.311.456</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Xóa sổ tài sản	63.920.426	-
Kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản	173.700.091	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	7.000.000	2.429.647
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	215.625.485
Chi phí khác	207.000.000	-
	<b>451.620.517</b>	<b>218.055.132</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.835.390.137	(4.534.170.093)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.043.722.468)	-
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.791.667.669	(4.534.170.093)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.280.925	7.280.925
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.070</b>	<b>(623)</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.280.925	7.280.925
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>7.280.925</b>	<b>7.280.925</b>

### 6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí mua hàng hóa	142.420.118.737	79.527.611.905
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.864.398.394	15.932.489.761
Chi phí nhân công	37.587.870.880	16.966.181.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.612.333.072	3.838.574.212
Chi phí khác	36.933.546.288	9.932.764.600
	<b>260.418.267.371</b>	<b>126.197.622.437</b>

## 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

### 7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay	-	7.297.223.400
	-	<b>7.297.223.400</b>

### 7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.493.424.800	3.803.798.600
	<b>3.493.424.800</b>	<b>3.803.798.600</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### *i. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

#### *ii. Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm.

#### *iii. Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>			
Phải trả người bán	6.587.808.329	-	6.587.808.329
Chi phí phải trả	403.511.807	-	403.511.807
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.029.648.088	672.600.000	4.702.248.088
	<b>11.020.968.224</b>	<b>672.600.000</b>	<b>11.693.568.224</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2022</b>			
Các khoản vay	3.493.424.800	-	3.493.424.800
Phải trả người bán	1.506.242.940	-	1.506.242.940
Chi phí phải trả	148.672.712	-	148.672.712
Các khoản phải trả, phải nộp khác	169.276.515	591.600.000	760.876.515
	<b>5.317.616.967</b>	<b>591.600.000</b>	<b>5.909.216.967</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022:

- Công ty đang thế chấp tài sản cố định của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.18; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

**iv. Giá trị hợp lý**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	43.955.602.030	32.380.382.352	43.955.602.030	32.380.382.352
Phải thu khách hàng	3.444.695.230	1.748.260.257	3.444.695.230	1.748.260.257
Phải thu khác	5.277.184.424	5.025.736.981	5.277.184.424	5.025.736.981
Đầu tư dài hạn	1.901.250.000	1.901.250.000	1.901.250.000	1.901.250.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.322.187.528	5.655.774.032	11.322.187.528	5.655.774.032
	<b>65.900.919.212</b>	<b>46.711.403.622</b>	<b>65.900.919.212</b>	<b>46.711.403.622</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	-	3.493.424.800	-	3.493.424.800
Phải trả người bán	6.587.808.329	1.506.242.940	6.587.808.329	1.506.242.940
Chi phí phải trả	403.511.807	148.672.712	403.511.807	148.672.712
Các khoản phải trả khác	4.702.248.088	760.876.515	4.702.248.088	760.876.515
	<b>11.693.568.224</b>	<b>5.909.216.967</b>	<b>11.693.568.224</b>	<b>5.909.216.967</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

#### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	1.388.507.479	1.230.431.228
	<u>1.388.507.479</u>	<u>1.230.431.228</u>

448/2022  
CÔNG TY  
TRADING  
VIỆT NAM  
10/10

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 9.2 Số liệu so sánh

Công ty xác định lại quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 24/DLĐN/HĐQT-NQ ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Công ty. Việc xác định lại này Ảnh hưởng đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh 31/12/2021 VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh 31/12/2021 VND	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải trả người lao động	314	849.197.163	658.138.861	1.507.336.024	(I)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(3.204.024.641)	(658.138.861)	(3.862.163.502)	
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a	672.006.591	-	672.006.591	
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b	(3.876.031.232)	(658.138.861)	(4.534.170.093)	
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh Năm 2021	Điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh Năm 2021	Ghi chú
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.321.510.708	658.138.861	3.979.649.569	(II)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(3.876.031.232)	(658.138.861)	(4.534.170.093)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	70	(532)	(90)	(623)	
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>					
	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh Năm 2021	Điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh Năm 2021	Ghi chú
Lợi nhuận trước thuế	01	(3.876.031.232)	(658.138.861)	(4.534.170.093)	(III)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(5.658.553.765)	658.138.861	(5.000.414.904)	

(i) Chỉ tiêu phải trả người lao động (314) thay đổi do điều chỉnh tăng chi phí nhân viên 658.138.861 VND dẫn đến chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421) giảm từ (3.204.024.641) VND xuống (3.862.163.502) VND.

(ii) Chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp (26) tăng do tăng chi phí nhân viên năm 2021 658.138.861 VND dẫn đến chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60) giảm từ (3.876.031.232) VND xuống (4.534.170.093) VND khiến cho lãi cơ bản trên cổ phiếu (70) của năm 2021 giảm từ (532) VND/Cổ phiếu xuống (623) VND/Cổ phiếu.

(iii) Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế (01) và chỉ tiêu Tăng/(giảm) các khoản phải trả (11) thay đổi do điều chỉnh tăng chi phí nhân viên 658.138.861 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**ĐẶNG THỊ TỐ NGÂN**  
Người lập



**ÔN VĂN PHƯỚC**  
✓ Kế toán trưởng



**HUYỄN QUỐC BẢO**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023